

## Văn mẫu Cảm nhận về Phú sông Bạch Đằng của Trương Hán Siêu

### **BÀI LÀM**

Giá trị lớn nhất của bài phú này là: với lòng tự hào dân tộc, bằng một hơi văn liền mạch, bút pháp bi hùng, tác phẩm gọi lên trong lòng người đọc cảm hứng hào hùng về những chiến công hiển hách trên sông Bạch Đằng, cảm hứng bi tráng thuộc hào khí Đông A.

#### 1. Tác giả

- Trương Hán Siêu ( ?-1354 ) tự là Thăng Phủ ,hiệu Đôn Tẩu , người xã phúc thành , huyện Yên Ninh ( nay thuộc thị xã Ninh Bình ). Ông có tài và học giỏi , từng là môn khách của Trần Hưng Đạo , sau làm quan từ triều Trần Anh Tông đến triều Trần Dụ Tông , lúc chết được thăng tước Thái Bảo , Thái phó và được thờ ở Văn Miếu ( Thăng Long ).
- Tính tình cương trực , học vấn uyên thâm , sinh thời được các vua Trần tin cậy , nhân dân kính trọng.
- Tác phẩm: còn 4 bài thơ và 3 bài văn , trong đó có Bạch Đằng giang phú nổi tiếng nhất.

#### 2. Hoàn cảnh sáng tác:

- Bạch Đằng là một nhánh sông Kinh Thầy , nơi ghi dấu những chiến công hào hùng và trở thành thi tứ cho nhiều tác phẩm văn học.
- Ước mơ đoán viết vào khoảng 50 năm sau cuộc chiến chống giặc Nguyên Mông thắng lợi.

#### 3. Thể loại:

- Viết theo thể phú , nguyên tác bằng chữ Hán.
- Phú là thể hiện văn vần , dùng để tả cảnh vật , phong tục , tập quán , tính tình .Hai loại phú phổ biến là phú cổ thể và phú Đường Luật .Phú cổ thể vốn có từ trước đời nhà

Đường , có vằn , không đối , như bài ca dài , hoặc bài văn xuôi có vằn , vì thế nên còn gọi là phú lưu thủy ( nước chảy ).Còn Phú Đường luật được đặt ra từ đời Đường , có vằn ,

đối , theo luật bằng trắc khá chặt chẽ .Bài phú của Trương Hán Siêu viết theo lối cổ thể .Bản dịch theo nguyên điệu , trừ hai bài ca cuối cùng chuyển sang thể lục bát .

#### 4. Câu tứ:

- Dùng hình thức đối đáp giữa khách và bô lão. Khách ở đây chính là tác giả.

#### 5.Phân tích:

##### 5.1 Giới thiệu người và hoàn cảnh:

- Người:

+ Khách : là nhân vật do tác giả sáng tạo nên , nhưng ở đây cũng chính là tác giả .Trong thể phú , thường có nhân vật khách để kể chuyện cho hấp dẫn.

+ Khách đến những địa danh nổi tiếng

Tính ước lệ -> người có lòng yêu thiên nhiên , thú du ngoạn , tâm hồn khoáng đạt , chí khí lớn lao , mang tráng chí bốn phương .

Bạch Đằng ->tả thực .Không chỉ có thú tiêu dao mà còn là người yêu lịch sử dân tộc ,học ltheo Tử Trường xưa.

Giọng văn thanh thản , phơi phới.

=>Hình tượng nhân vật khách : tự khẳng định mình là một hồn thơ,một khách hải hồ đồng thời là một kẻ sĩ thiết tha với đất nước và lịch sử dân tộc.

- Cảnh:

+ Sông Bạch Đằng hùng vĩ , hoành tráng:

Bát ngát sóng kinh muôn dặm,

Thướt tha đuôi trĩ một màu.

Nước trời : một sắc.

Phong cách: ba thu.

+ Nhưng lại âm đạm , hiu hắt:

Bò lau san sát,  
 Bền lách đìu hiu.  
 Sông chìm giáo gãy,  
 Gò đầy xương khô.

+ Qua cách nhìn cảnh vật , ta đọc tâm trạng của khách vừa vui , vừa buồn , vừa tự hào , vừa tiếc nhớ .Vui với cảnh sông nước mênh mông , có thuyền bè xuôi ngược .Buồn đau,nuối tiếc vì thấy cảnh chiến trường xưa ,chiến thắng oanh liệt còn hùng hực là thế , mà nay sao trơ trọi , hoang vu , hiu quạnh là vậy .Đồng thời gian đang làm mờ bao dấu vết.Bởi thế:

Buồn vì cảnh thảm,

Đứng lặng giờ lâu.  
 Thương nỗi anh hùng đâu vắng tá,  
 Tiếc thay dấu vết luống còn lưu.

+ Giọng điệu trầm lặng .Một tâm hồn phóng túng , mạnh mẽ cũng trở nên sững sờ , buồn tiếc.

=> Nhân vật khách , tuy có tính chất công thức của thể phú , đã được Trương Hán Siêu thổi vào , trở nên sinh động .Nhân vật khách chính là cái tôi của tác giả , một kẻ sĩ nặng lòng với đất nước, với lịch sử dân tộc.

## 5.2 Lời các bô lão:

- Bô lão:

+ Hình ảnh tập thể , người dân địa phương , có thể từng chứng kiến hoặc tham gia các trận chiến xưa.

+ Xuất hiện như một sự hô ứng có tính lịch đại,có thể nhằm tạo không khí đối đáp tự nhiên,kể cho khách nghe về những trận thủy chiến.

+ Thái độ các bô lão nhiệt tình hiếu khách. -

Trận Bạch Đằng qua lời kể các bô lão:

+Lời kể được sắp xếp tho dòng hồi tưởng.

+Giới thiệu hai trận đánh.

+Tả lại cảnh chiến trận, chủ yếu là chiến tích năm 1288.

Lúc đầu ra quân trong thế trận giằng co , ngang sức ngang tài , bất phân thắng bại .Cuộc chiến diễn ra ác liệt , đến nỗi : Ánh nhật nguyệt chừ phải mờ / Bầu trời đất sắp đổi. Câu văn sử dụng biện pháp đối lập báo hiệu một trận đánh kinh thiên động địa .

So sánh trận chiến thắng Bạch Đằng với trận Xích Bích , Hợp Phì ( của Trung Hoa ) với niềm tự hào dân tộc.

Nghệ thuật: lời kể súc tích , đầy cảm hứng , có hồi hộp nhưng sáng khoái của người trong cuộc .Lời kể , lúc dùng câu ngắn gọn không khí gấp gáp căng thẳng , lúc câu dài gọn không khí trang nghiêm đĩnh đạc.

Cách miêu tả ngắn gọn mà vẫn cụ thể , tỉ mỉ khiến người đọc tưởng như cuộc chiến đang diễn ra trong hiện tại.

- Lời bình luận các bô lão:

+Suy nghĩ về nỗi nhục của kẻ thù .

+Suy nghĩ về nguyên nhân ta thắng , địch thua .Ta chiến thắng vì ta chiến đấu bảo vệ non sông , chiến đấu cho chính nghĩa .Trời lại cho nơi đất hiểm .Nhưng điều quyết định là ta có nhân tài.

Từ khi có vũ trụ,

Đã có giang san.

Quả là : trời đất cho nơi hiểm trở,

Cũng nhờ : nhân tài giữ cuộc điện an.

Nhấn mạnh yếu tố con người là cảm hứng mang tính nhân văn , có tầm triết lý sâu sắc.

Lời bình luận vừa hào hùng sâu lắng thiêng liêng.

+Tâm trạng của các bô lão khi nhắc đến người xưa , cũng buồn thương , tiếc nuối :

Đến chơi sông chừ ủ mặt,  
Nhớ người cửa chừ lệ chan.

+Lời ca của bô lão là lời tuyên ngôn sáng khoái , đồng dạng về chân lý: nhưng kẻ nghĩa tiêu vong , người anh hùng sẽ bất tử như sự tồn tại vĩnh hằng của dòng sông lịch sử.

### 5.3 Lời ca của khách:

- Ca ngợi công đức hai vị vua Trần ( Trần Thánh Tông , Trần Nhân Tông) đem lại thái bình cho đất nước.
- Bày tỏ khát vọng hoà bình muôn thuở.
- Ở câu cuối , khách vừa biện luận , vừa khẳng định chân lý : sức mạnh chính nghĩa , đạo đức dân tộc là yếu tố quyết định chiến thắng.
- Lời ca của khách chỉ có bốn câu mà ý tưởng sâu xa.Giọng văn phơi phới , hân hoan.

### 6.Chủ đề:

Qua việc tái hiện không khí chiến thắng hào hùng trên sông Bạch Đằng , tác phẩm toát lên niềm tự hào dân tộc - tự hào về truyền thống anh hùng bất khuất , tinh thần chuộng đạo lý của dân tộc , vẻ đẹp tâm hồn con người Đại Việt Dựa vào gợi ý sau rồi làm nhé

Trương Hán Siêu là một danh sĩ đời Trần, sau lúc qua đời được vua Trần truy phong là Thiếu Bảo.Ông còn để lại bốn bài thơ và ba bài văn “Dục Thúy sơn khắc thạch”,”Linh Tế Tháp ký”,”Khai Nghiêm tự bi”,”Bạch Đằng giang phú”,... Trong thơ văn cổ Việt Nam có một số tác phẩm lấy đề tài sông Bạch Đằng nhưng”Bạch Đằng giang phú”của Trương Hán Siêu được xếp vào hạng kiệt tác. Chưa rõ Trương Hán Siêu viết “Bạch Đằng giang phú”vào năm nào, nhưng qua giọng văn cảm hoài “Thương nỗi anh hùng đâu vắng tá-Tiệc thay dấu vết luống còn lưu”, ta có thể đoán định được, bài phú này chỉ có thể ra đời sau khi Trần Quốc Tuấn đã mất, tức là vào khoảng 1301-1354.

“Bạch Đằng giang phú” được viết bằng chữ Hán. Đông Châu Nguyễn Hữu Tiên, Nguyễn Đông Chi, Bùi Văn Nguyên... đã dịch khá thành công áng văn này. Bài cảm nhận về “Bạch Đằng giang phú” dựa trên văn bản dịch của giáo sư Bùi Văn Nguyên.

Phú là một thể văn cổ dùng để tả cảnh vật, phong tục hoặc tính tình. Chất trữ tình và yếu tố khoa trương đậm đặc trong phú. Có phú cổ thể và phú Đường luật. Phú cổ thể như một bài văn xuôi dài, có vần mà không nhất thiết có đối, còn gọi là phú lưu thủy. Phú Đường luật được đặt ra từ đời Đường, có vần, có đối, có luật bằng trắc chặt chẽ, có những kiểu câu được quy phạm rõ ràng. “Bạch Đằng giang phú” của Trương Hán Siêu viết theo lối phú cổ thể, có vần sử dụng phép đối rất sáng tạo:

... “Tiếng thom đồn mãi,

Bia miệng không mòn.

Đền chơi sông chừ ủ mặt

Nhớ người xưa chừ lệ chan...”

Qua bài phú này, Trương Hán Siêu ca ngợi sông Bạch Đằng hùng vĩ, dòng sông lịch sử đã gắn liền với tên tuổi bao anh hùng, với bao chiến công oanh liệt của nhân dân ta trong sự nghiệp chống xâm lăng. Nhà thơ khẳng định: Núi sông hiểm trở, nhiều nhân tài hào kiệt đã tạo nên truyền thống anh

Hùng của dân tộc, sự bền vững của Tổ quốc muôn đời. Lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc là cảm hứng chủ đạo của “Bạch Đằng giang phú”.

“Giương buồm giông gió chơi vui”.

“Khách có kẻ” trong “Bạch Đằng giang phú” là nhân vật trữ tình không ai khác mà chính là Trương Hán Siêu. Trong các bài phú cổ, nhân vật “khách” không mấy xa lạ. “Ngọc tỉnh liên phú” (bài phú Sen giếng ngọc) của Mạc Đĩnh Chi (?-1346) cũng có nhân vật “khách”: ... “Khách có kẻ: nơi nhà cao tựa ghế, trưa mùa hạ nắng nồng. Ao trong ngấm làn nước biếc, Nhạc phủ vịnh khúc Phù Dung”. “Khách” ở đây là Mạc Đĩnh Chi biểu lộ tấm lòng thanh cao, chí khí, tài năng và hoài bão của kẻ sĩ ở đời.

Ta đã từng biết, Trương Hán Siêu là danh sĩ nổi tiếng đời Trần, tính tình cương trực, tâm hồn phóng khoáng. Chín câu đầu cho thấy “khách” là một tao nhân với rượu túi thơ “chơi vui” theo cánh bướm, làm bạn với gió trăng qua mọi miền sông biển. Sống hết mình với thiên nhiên, du ngoạn thăm thú mọi cảnh đẹp xa gần. Đêm thì “chơi trăng mãi miết”, ngày thì: “Sớm gõ thuyền chừ Nguyên Tương; Chiều lần thăm chừ Vũ Huyệt”,...

Khách đã đi nhiều và biết nhiều. Các danh lam thắng cảnh như Nguyên Tương, Cửu Giang, Ngũ Hồ, Tam Ngô, Bách Việt,... đều ở trên đất nước Trung Hoa mênh mông, ở đây chỉ mang ý nghĩa tượng trưng nói lên một cá tính, một tâm hồn: yêu thiên nhiên tha thiết, lấy việc du ngoạn làm niềm lạc thú ở đời, tự hào về thói “giang hồ” của mình:

“Nơi có người đi

Đâu mà chẳng biết”.

Các địa danh xa lạ không chỉ là cảnh đẹp mà còn gợi ra một không gian bao la, chỉ có những người mang hoài bão và “tráng chí bốn phương” mới có thể “giương buồm...lướt bể” đi tới. Đầm Vân Mộng là một thắng cảnh tiêu biểu cho mọi thắng cảnh. Thế mà “Khách” đã “chứa vài trăm trong dạ”, đã thăm thú nhiều lần đã từng thưởng ngoạn bao cảnh đẹp tương tự. Vẫn chưa thoả lòng, vẫn còn “tha thiết” với bốn phương trời.



“Đầm Văn Mộng chứa vài trăm trong dạ cũng nhiều

Mà tráng chí bốn phương vẫn còn tha thiết”.

Phần đầu bài phú nói lên cốt cách kẻ sĩ: chan hoà với thiên nhiên, lấy chữ “nhàn” làm trọng, gián tiếp phủ định lợi danh tầm thường.

“Qua cửa Đại Than... đến sông Bạch Đằng”

Đoạn văn tiếp theo nói lên niềm vui thú của nhà thơ khi đến chơi sông Bạch Đằng. Trương Hán Siêu đã theo cái chí của người xưa “học Tử Trường” đi về phía Đông Bắc “buông chèo” cho thỏa chí “tiêu diêu”. Người xưa nói: “Muôn học cái văn của Tư Mã Tử Trường thì trước tiên phải học cái chơi của Tử Trường”. Tử Trường là Tư Mã Thiên, tác giả bộ “Sử ký” bất hủ, là nhà văn, nhà sử học tài ba đời Hán. Con người ấy vẫn được xem là nhà du lịch có một không hai thời xưa. Trương Hán Siêu với cánh buồm thơ lần theo sông núi:

“Qua cửa Đại than, ngược bến Đông triều,

Đến sông Bạch Đằng, bồng bênh mái chèo”

“Bát ngát sóng kình muôn dặm

”

Bạch Đằng giang, con sông oai hùng của Tổ Quốc Đại Việt. Sông rộng và dài, cuộn cuộn nhấp nhô sóng biếc. Cuối thu ( ba thu ) nước trời một màu xanh bao la “Bát ngát sóng kình muôn dặm - Thuốt tha đuôi trĩ một màu- Nước trời: một sắc- Phong cảnh ba thu”. Câu văn tả rhye mượn một hình ảnh của Vương Bột trong bài “ Đằng Vương các” “ Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc” ( Sông thu cùng với trời xa một màu ). Tả con sông Bạch Đằng, vua Trần Minh Tông (1288-1356) viết : “Thuồng luồng nuốt thủy triều, cuộn

làn sóng bạc... Trông thấy nước dòng sông rọi bóng mặt trời buổi chiều đỏ ối- Lâm tưởng rằng máu người chết vẫn chưa khô”( Bạch Đằng giang –Dịch nghĩa ) Cảnh núi non, bờ bãi được miêu tả, đã tái hiện cảnh chiến trường rùng rợn một thời:

“ Bờ lau san sát

Bến lách đìu hiu

Sông chìm giáo gãy

Gò đầy xương khô

Bờ lau, bến lách gợi tả không khí hoang vu, hiu hắt. Núi gò, bờ bãi trập trùng như grom giáo, xương cốt lũ giặc phương Bắc chất đống. Nét vẽ hoành tráng ấy, một thế kỷ sau Úc Trai cũng viết: “Ngạc chặt kinh bãm non lồm chồm – Giáo chìm grom gãy bãi dăng dăng” ( “Cửa Biển Bạch Đằng” ).

Trương Hán Siêu miêu tả dòng sông Bạch Đằng bằng những đường nét, màu sắc gợi cảm. Những ẩn dụ và liên tưởng mới về dòng sông lịch sử hùng vĩ được miêu tả qua những cặp câu song quan và tứ tự tuyệt đẹp. Mấy chục năm sau trận đại thắng trên sông Bạch Đằng(1288) nhà thơ đến thăm dòng sông cảm thương xúc động:

“ Buồn vì cảnh thảm

Đứng lặng giờ lâu

Thương nỗi anh hùng đâu vắng tá

Tiếc thay dấu vết luống còn lưu”.

Một tâm trạng: “buồn, thương tiếc”, một cảm xúc “đứng lặng giờ lâu” của “khách” đều biểu lộ sự xúc động, lòng tiếc thương và biết ơn sâu sắc, vô hạn đối với anh hùng liệt sĩ đã đem xương máu bảo vệ dòng sông và sự tồn vong của dân tộc. Đó là tình nghĩa thủy chung “uống nước nhớ nguồn”

“Mà nhục quân thù khôn rửa nổi”

Các cô lão – nhân vật thứ hai xuất hiện trong bài phú. Từ miêu tả và trữ tình, nhà thơ chuyển sang tự sự, ngôn ngữ sống động biến hoá hẳn lên, Cảm hứng lịch sử mang âm điệu anh hùng ca dâng lên dào dạt như những lớp sóng trên sông Bạch Đằng vỗ.

Khách và cô lão ngắm dòng sông, nhìn con sóng nhấp nhô như sóng lại những năm tháng hào hùng oanh liệt của tổ tiên:

“ Đây là chiến địa buổi Trưng Hưng nhị thánh bắt Ô mã,

Cũng là bãi đất xưa thuở trước Ngô chúa phá Hoàng Thao”.

hoặc .....

Trương Hán Siêu là một nhân vật lớn đời Trần. Ông tên chữ Lăng Phủ, quê ở làng Phúc Am, huyện An Khánh, Ninh Bình. Trương Hán Siêu lúc trẻ làm môn khách của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, tham gia cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ hai và thứ ba. Ông làm quan trải qua bốn triều vua Trần (Anh Tông, Minh Tông, Hiến Tông, Dụ Tông). Trương Hán Siêu là một người học vấn uyên bác, thông hiểu sâu sắc đạo Nho, đạo Phật, lại giàu lòng yêu nước và có nhiều công lao đối với triều Trần, vì vậy ông được các vua Trần tôn kính, xem như bậc thầy.

Năm 1308, vua Trần Anh Tông phong ông làm Hàn Lâm học sĩ. Đời Minh Tông ông giữ chức Hành khiển. Đời Trần Dụ Tông, năm 1339, ông làm Hữu ti Lang trung ở Môn hạ. Đời Trần Dụ Tông đổi sang Tả Tư Lang kiêm chức Kinh Lược sứ ở Lạng Giang, năm 1345 ông được thăng chức Giám nghị Đại phu tham chính sự. Ông được vua Dụ Tông sai cùng với Nguyễn Trung Ngạn hợp soạn bộ "Hoàng Triều Đại Điển" và bộ "Hình Luật

Thu". Năm 1351, ông được phong Tham tri Chính sự.

Năm 1353, ông lãnh chiếu chỉ ra trấn nhậm Hoá Châu (Huế), sai người xây thành đắp lũy, lập kế chống quân Chiêm. Năm 1354, ông cáo bệnh xin nghỉ nhưng trên đường về Bắc chưa kịp đến nhà thì mất, sau được truy tặng Thái phó và cho phối thờ ở Văn Miếu, Thăng Long.

Sau khi mất, Trương Hán Siêu được truy tặng chức Thái phó và được đưa vào thờ tại Văn Miếu ngang với các bậc hiền triết xưa. Trong lịch sử tư tưởng Việt Nam vào giai đoạn nửa sau thế kỷ XIV nảy sinh cuộc tranh giành vị trí, ảnh hưởng giữa Nho giáo và Phật giáo mà Trương Hán Siêu được coi là người đầu tiên lên tiếng phê phán đạo Phật, mở đường cho Nho giáo tiến lên. Ông còn để lại bốn bài thơ và ba bài văn “Dục Thúy sơn khắc thạch”, “Linh Tế Tháp ký”, “Khai Nghiêm tự bi”, “Bạch Đằng giang phú”,... Trong thơ văn cổ Việt Nam có một số tác phẩm lấy đề tài sông Bạch Đằng nhưng “Bạch Đằng giang phú” được xếp vào hạng kiệt tác. Chưa rõ Trương Hán Siêu viết “Bạch Đằng giang phú” vào năm nào, nhưng qua giọng văn cảm hoài “Thương nỗi anh hùng đâu vắng tá-Tiếc thay dấu vết luống còn lưu”, ta có thể đoán định được, bài phú này chỉ có thể ra đời sau khi Trần Quốc Tuấn đã mất, tức là vào khoảng 1301-1354.

“Bạch Đằng Giang phú” là một kiệt tác trong văn chương cổ Việt Nam. Về mặt nghệ thuật, đây là tác phẩm thể hiện đỉnh cao của tài hoa viết phú. Về nội dung tư tưởng, Bạch Đằng Giang phú là áng văn tràn đầy lòng yêu nước, tráng chí chất ngất, cùng tinh thần tự hào dân tộc và hàm chứa một triết lý lịch sử sâu sắc khi nhìn nhận nguyên nhân thành công của dân tộc trong sự nghiệp đánh giặc giữ nước.

“Bạch Đằng giang phú” được viết bằng chữ Hán. Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Đồng Chi, Bùi Văn Nguyên... đã dịch khá thành công áng văn này.

Ở Trương Hán Siêu, hành vi ứng xử nổi bật nhất, in đậm vào sử sách, là thái độ gần gũi

thiên nhiên, cách ông nhìn ngắm thiên nhiên tạo vật. Về điều này, nếu nói Trương Hán Siêu gắn bó với cảnh trí của đất nước thì không có gì sai nhưng hình như vẫn chưa đủ. Nhà thơ nhà văn Việt Nam xưa nay rất ít người thờ ơ trước vẻ đẹp của giang sơn gấm vóc: “Nước biếc non xanh thuyền gối bãi/Đêm thanh nguyệt bạc khách lên lầu” (Nguyễn Trãi). Trương Hán Siêu cũng thế thôi. Nhưng với ông, trong tình yêu thiên nhiên hình như còn có một điều gì khác hơn, một khao khát thường trực muốn chiếm lĩnh thế giới tự nhiên, nhận biết cho hết mọi tri thức lịch sử - xã hội ẩn giấu trong ngoại giới. Như chính ông phô bày trong vai một “người khách “ ở bài Bạch Đằng giang phú, hầu như cả một đời, ông đã coi lẽ sống của mình là ngược xuôi tìm đến mọi danh lam thắng cảnh:

“Khách có kẻ,  
Giương buồm giông gió khơi vơi;  
Lướt bể chơi trăng mãi miết.  
Sớm gõ thuyền chừ Nguyên, Tương,  
Chiều lần thăm chừ Vũ Huyệt;  
Cửu Giang, Ngũ Hồ, Tam Ngô, Bách Việt  
Nơi có người qua đâu mà chẳng biết.  
Đầm Vân Mộng chứa vài trăm trong dạ đã nhiều  
Mà tráng chí tứ phương vẫn còn tha thiết...”

Cũng có thể nghĩ đây mới chỉ là những lời tâm niệm của Trương Hán Siêu bởi các địa danh nói trên đều là điển cố trong văn liệu, ông được đọc qua sách vở, hay là thông qua sách vở mà tìm đến chúng chứ chưa chắc đã một lần ghé thăm. Song cũng vì vậy, thiên nhiên như cái đích tìm kiếm của ông dường như có mang một hàm nghĩa thâm thúy: đây là nơi tập kết mọi trải nghiệm văn hóa của con người, và cũng là chứng tích để con người nhìn xa vào lịch sử. Vẫn trong bài phú về sông Bạch Đằng, tiếp theo mấy câu vừa dẫn, ông liền bày tỏ ý nguyện bắt chước “thú tiêu dao” của Tử Trường tức Tư Mã Thiên - nhà viết sử nổi tiếng của Trung Quốc, trước khi bắt tay cầm bút đã đi khắp mọi nơi đầu sông cuối bể nhằm nuôi dưỡng tình cảm và thu nhận kiến thức.

Ta để ý nếu ở phần trên, các địa danh thực ra đều là ảo - địa danh trong điển tích, không phải trong thực tế - thì đến đây mới là địa danh thực. Nhà thơ đưa ra một cái tên Bạch Đằng chưa hề có trong các pho sách kinh điển nhưng lại hiển hiện trước mắt với tất cả sức thuyết phục của những chiến công vang dội của nó.

Bạch Đằng giang phú ú là một bài phú lưu thủy, người viết cốt biểu đạt ý tưởng một cách phóng khoáng, tuôn chảy, không quá chú trọng gò gẫm bằng trắc đối xứng và hiệp vần. Nhưng cấu trúc bài phú cũng là cả một dụng công. Bằng sự phân vai khéo léo giữa “khách” và “bô lão” trong nghệ thuật biểu hiện để tạo nên sự đồng hiện về thời gian, bằng cách chuyển đoạn thần tình trong tâm trạng người trần thuật từ băng khuâng hoài cổ sang cảm xúc bông bột của người đang chứng kiến sự việc tiếp diễn, bằng nghệ thuật sắp xếp ngôn từ gây âm hưởng đa dạng, vừa khoan thai thoát đã trở nên gấp gáp, rồi lại trở lại khoan thai, và cả bằng sự sinh động của nhịp điệu... mấy trăm năm qua bài phú đã chiếm lĩnh trọn vẹn tâm hồn người đọc. Đặc biệt, không ít những bậc tự xem là tri âm tri kỷ có thiên hướng muốn đón nhận toàn bộ hình tượng nghệ thuật của bài phú như những đường nét khắc họa chân thực quang cảnh chiến trận Bạch Đằng.

Nếu để ý ta sẽ thấy bức tranh đặng đặng sát khí của trận Bạch Đằng còn là một đối cực nữa của một bức tranh thủy mặc lặng tĩnh mà tác giả vẽ lên, như đã dẫn ở một phần trước:

Thiếp Đại Than khẩu / tổ Đông Triều đầu,  
 Đẻ Bạch Đằng giang / thị phiếm thị phù.  
 Tiếp kinh ba ư vô tế;  
 Trám diêu vĩ chi tương mâu.  
 Thủy thiên nhất sắc / phong cảnh tam thu  
 Chử địch ngân lô / sắt sắt sâu sâu  
 Chiết kích trầm giang / khô cốt doanh khâu  
 Thảm nhiên bất lạc / trữ lập ngưng mâu

(Qua cửa Đại Than / ngược bến Đông Triều,  
Đến sông Bạch Đằng / nổi trôi mặc chèo.  
Bát ngát sóng kinh muôn dặm/  
Xanh xanh đuôi trĩ một màu.  
Nước trời một sắc / phong cảnh ba thu  
Sông chìm giáo gãy / gò đầy xương khô  
Buồn vì cảnh thảm / đứng lặng giờ lâu

Đây lại là đối cực động-tĩnh giữa hiện tại và quá khứ. Đối cực này đã khiến người đọc như rơi vào trạng thái mơ màng, băng khuâng, trong khi đuổi theo cái cố gắng “đi tìm thời gian đã mất” của tác giả. Ta chợt tự hỏi: Không hiểu giữa hiện hữu thứ nhất (thực tại tĩnh lặng trước mắt mà cũng là một huyệt hẫng trong tâm trạng) và hiện hữu thứ hai (thực tại sống động trong tiềm thức mà cũng là một miền viển của tưởng tượng) thì hiện hữu nào mới là có thật? Sự vấn vương ở đây có chút gì đó làm lòng ta nặng trĩu khi nghĩ đến dòng chảy của thời gian và thói vô tình dễ quên của người đời. Nói cách khác, những âm hưởng trữ tình đối lập ở trong tác phẩm đã tạo nên một ngân vang sâu thẳm và ngân vang này chính là triết lý: sự sống là một tiếp biến không ngừng không nghỉ, cái đang diễn ra và cái đã đi vào vĩnh cửu cứ đan quyện lấy nhau, mà cái nhân tố có khả năng kết nối làm nên sự đan quyện ấy, khiến cho sợi dây chuyền vô hình nghiệt ngã của thời gian có lúc tưởng như bị đảo ngược: hiện tại không hẳn đã trôi về quá khứ tất cả, mà có phần nào đó còn trôi theo chiều ngược lại, còn có “dấu vết lưu lại” với hậu thế - cái nhân tố ấy là con người, được quyết định bởi con người:

- Trời đất đặt ra nơi hiểm trở,  
Bậc anh tài tính cuộc tồn an  
- Giặc tan muôn thuở thăng bình,  
Bởi đâu đất hiểm, cốt mình đức cao

Nhìn trở lại toàn bộ bài phú, nghệ thuật phối trí thời gian và không gian của Trương Hán

Siêu đã đạt đến chỗ thần tình. Nhà thơ đưa không gian Bạch Đằng từ một viễn cảnh trải rộng và hết sức bao la đến với cận cảnh của một trận thủy chiến dữ dội, và cuối cùng dồn vào một tiêu điểm là chỗ đứng nội tâm của nhà chỉ huy quân sự quyết định sự thắng bại của chiến cuộc, đồng thời cũng chính là đang từ một không gian hiện thực ông quay trở về với không gian hồi cố, không gian tâm tưởng, cùng theo đó, thời gian nghệ thuật cũng đi lùi từ hiện tại về quá vãng. Vậy mà cảm hứng của người đọc lại không bị đẩy lùi bởi dòng hoài niệm, trái lại tiếp nhận nó như chính cái đang diễn ra trước mắt mình. Thủ pháp mờ chồng giữa hai thời đoạn cách quãng trên quang cảnh một con sông, thủ pháp hoán đổi điểm nhìn linh hoạt của tác giả... đã góp phần hóa giải tâm trạng hoài cổ của bài phú, tạo nên một tâm lý cân bằng và gây hứng thú sâu sắc trong cảm xúc thẩm mỹ.

Tóm lại, bằng lượng thông tin đa nghĩa, những ẩn ngữ phong phú đọng lại phía sau ngôn từ, Bạch Đằng giang phú đã gọi lên được nhiều tiếng nói cùng một lúc trong cảm nhận nhiều chiều của người đọc. Sự dồn nén nghệ thuật của bút pháp Trương Hán Siêu quả đã đến một trình độ bậc thầy.

Trương Hán Siêu là một danh nhân nổi tiếng của mảnh đất Trường Yên - Ninh Bình, một chứng nhân rõ rệt cho truyền thống văn hóa lâu đời của vùng đất văn vật này. Nhưng ông lại cũng là một nhân vật có tầm thước cả nước, một người con ưu tú của văn hóa Thăng Long dưới triều đại Trần. Ông xứng đáng được xếp vào hàng danh nhân tôn vinh ở Văn miếu Quốc tử giám như nhà Trần đã từng "liệt hạng" xưa kia, mặc dù ông không hề có mảnh bằng nào thông qua thi cử. Điều đó cũng nói lên rằng triều đại Trần có sức năng động lớn vì nó biết chuộng thực học, biết lựa chọn tài năng theo những tiêu chí thực tiễn. Bỏ qua mọi thứ phù danh, với những người như Trương Hán Siêu, nhà Trần đã biết cách làm cho mình trở thành bất tử.

Nếu như người dân trung hoa tự hào có bài "phú cao đường" của Tống Ngọc đời nhà Hán thì người dân Việt Nam lấy làm vẻ vang vinh dự khi được tiếp nhận và thừa hưởng 1 kiệt tác văn học của Trương Hán Siêu: "Phú sông Bạch Đằng". Bằng ngòi bút tài hoa của



mình THS đã cho chúng ta thấy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo lí nhân nghĩa và chủ nghĩa nhân văn cao đẹp.

THS là nhà văn tiêu biểu của nền văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỉ XII\_ nửa đầu thế kỉ XIII. Ông là người tính tình cương trực, học vấn uyên thâm, được các vua trần trọng dụng. Thơ văn của ông còn lại ko nhiều nhưng có giá trị nhất là bài "Phú sông Bạch Đằng".Phú sông Bạch Đằng mang đặc trưng cơ bản của thể phú. Phú là thể văn có vần hoặc xen lẫn vần và văn xuôi.